

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
Về vụ: “*Tranh chấp Hợp đồng
dân sự về vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Tâm;
2. Bà Trần Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Tấn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2018/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà S - Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà T - Sinh năm: 1975, ông N - sinh năm: 1975; Đồng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà S trình bày:*

Vào đầu năm 2015, bà T vay của bà S tổng số tiền 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*) để trả tiền công thợ xây dựng (*Vợ chồng bà T làm nghề thầu xây dựng*) và 02 chỉ vàng 24k loại 99 để chữa bệnh cho con. Tháng 02/2015, bà T viết giấy vay bà S số tiền, vàng nói trên. Khi đó, các bên thỏa thuận bằng lời nói thời hạn trả nợ là 03 tháng sau khi viết giấy vay và lãi suất là 6%/tháng. Bà T giao cho bà S giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 283637 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 06/01/2011 cho vợ chồng bà T, ông N. Sau khi viết giấy nợ, bà T không thực hiện trả nợ như cam kết. Bà S đòi

nhiều lần nhưng đến nay bà T vẫn không trả khoản tiền, vàng nào. Bà S yêu cầu vợ chồng bà T, ông N phải trả toàn bộ số nợ nói trên. Sau đó, bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông N; yêu cầu bà T là người trả toàn bộ số nợ 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) và 02 chỉ vàng 24k loại 99, không yêu cầu trả lãi. Sau khi bà T trả hết số nợ trên, bà S sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà T, ông N đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S: Buộc bà T trả cho bà S số tiền: 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) và 02 (Hai) chỉ vàng 24k loại 99. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà S về việc kiện ông N. Bị đơn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn bà T, ông N đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[2] Áp dụng pháp luật: Xét thấy các bên xác lập Hợp đồng vay tài sản vào 02/2015, là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nhưng Hợp đồng này có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Bà S có đơn khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà T, ông N phải trả tiền, vàng cho bà. Sau đó, bà S yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông N. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó, áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà S đối với phần yêu cầu khởi kiện ông N.

[4] Bà S khai vào tháng 02/2015, bà T có viết giấy mượn của bà S số tiền 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng*) và 02 chỉ vàng 24k loại 99. Bà T có giao cho bà S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 283637 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 06/01/2011 cho vợ chồng bà T, ông N. Bà S cung cấp giấy mượn tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên nên đủ cơ sở khẳng định bà T có vay của bà S số tiền 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng*) và 02 (*Hai*) chỉ vàng y loại 99 là sự thật. Sau khi vay, bà T chưa trả khoản tiền, vàng nào cho bà S.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà S: Buộc bà T phải trả cho bà S số tiền: 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng*) và 02 (*Hai*) chỉ vàng 24k loại 99.

Bị đơn bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*). Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà S. (*Vàng 24k 99 giá 3.500.000đ/chỉ*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 217, 218, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà S: Buộc bà T phải trả cho bà S số tiền: 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng*) và 02 (*Hai*) chỉ vàng 24k loại 99.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu ông N trả nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà T phải chịu 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Hoàn lại cho bà S số tiền 1.550.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) đã thu tại Biên lai thu tiền số 0008779 ngày 03/11/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huệ